

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT

Ngày 09 - 12 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp; Ông Chăm Văn Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2021/QĐ-HPT ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H - Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Minh T - Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2021, bản tự khai ngày 23/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Ngày 05/02/2016 bà Lê Thị H có cho anh Lò Minh T ở tiểu khu 2, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La vay số tiền 448.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 2,5%/tháng. Đến tháng 7/2016 anh T có đến xin bà thay đổi cách tính lãi suất từ 2,5%/tháng thành 5.000.000đ/tháng, bà đồng ý. Tuy

nhiên từ khi vay anh Lò Minh T chưa trả được đồng nào trong số tiền gốc , tiền lãi anh T đã trả bà có viết đăng sau giấy vay nợ như sau:

Ngày 01/7/2016 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 18/8/2016 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 16/10/2016 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 27/12/2016 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 27/01/2017 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) (ghi nhầm là 2016).

Ngày 14/3/2017 trả 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Ngày 02/6/2017 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 01/8/2017 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 10/10/2017 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 08/12/2017 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 07/02/2018 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 17/4/2018 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 01/6/2018 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 30/7/2018 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 18/8/2019 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngày 26/12/2019 trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Lò Minh T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 448.000.000 đồng và 300.000.000 đồng tiền lãi, anh Lò Minh T đã trả được 90.000.000 đồng tiền lãi (trong giấy vay nợ thể hiện qua các lần anh T đã trả là 84.000.000đồng nhưng bà tính cho anh T là đã trả 90.000.000 đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2021 bị đơn anh Lò Minh T trình bày:*

Anh T xác nhận tháng 10/2011 anh có vay của bà Lê Thị H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 10.000đ/1 triệu/1 ngày. Hai bên có lập giấy vay tiền (Giấy vay tiền chỉ có một bản do bà H giữ). Anh không công nhận số tiền 448.000.000 đồng là tiền vay gốc , vì theo anh trong số 448.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền là đã cộng cả tiền lãi . Về lãi suất 2,5%/tháng ghi trong giấy vay tiền , sau đó ngày 05/02/2018 thỏa thuận lại là 5.000.000đ/tháng anh cho rằng là do bà Lê Thị H ép buộc anh thỏa thuận mức lãi suất đó, không phải ý chỉ tự nguyện của anh, anh không đồng ý mức lãi suất trên . Theo anh đến thời điểm hiện tại anh đã trả cho bà H được khoảng 300.000.000 đồng, nhưng các lần trả đều không lập giấy tờ . Anh không đồng ý trả số tiền gốc 448.000.000 đồng và tiền lãi 300.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H, anh chỉ nhất trí thanh toán số tiền gốc vay ban đầu từ năm 2011 là 30.000.000 đồng.

** Tại Bản án số 04/2021/DSST ngày 09/8/2021, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La đã xét xử và Quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, Điều 463, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H: Buộc bị đơn anh Lò Minh T phải thanh toán trả cho bà Lê Thị H số tiền vay gốc 441.360.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi 162.906.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu chỉ n trăm lẻ sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 604.266.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Thời hạn thanh toán trả nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/8/2021 bà Lê Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị H đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất, buộc anh Lò Minh T phải trả tiền gốc vay là 448.000.000đ và lãi theo thỏa thuận là 5.000.000đ/01 tháng. Thời gian trả lãi từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (09/8/2021) là 66 tháng 04 ngày.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án vào ngày 09/8/2021; ngày 16/8/2021 bà Lê Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần tính lãi suất. Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị H thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ngày 05/02/2016 anh Lò Minh T có vay của bà Lê Thị H số tiền 448.000.000đ (Giấy vay tiền thể hiện lãi suất 2,5%/tháng). Tuy nhiên, tại mặt sau của Giấy vay tiền thể hiện anh T trả lãi cho bà H 5.000.000đ/01 tháng, có chữ ký xác nhận của anh Lò Minh T.

Bà H cho rằng mức lãi suất 5.000.000đ/tháng/448.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật và hai bên đã thực hiện việc trả lãi từ ngày vay đến ngày 26/12/2019. Vì vậy yêu cầu anh T phải trả cho bà H tiền lãi như đã thỏa thuận là 5.000.000đ/01 tháng với thời gian vay từ ngày 05/02/2016 đến ngày Tòa án sơ thẩm xét xử (ngày 09/8/2021) là 66 tháng 04 ngày.

Anh T không công nhận số tiền 448.000.000 đồng là tiền vay gốc vì theo anh, trong số 448.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày 05/02/2016 là đã cộng cả tiền lãi. Việc thỏa thuận mức lãi suất 5.000.000đ/tháng là do bị bà Lê Thị H ép buộc, không phải ý chí tự nguyện của anh. Anh không đồng ý trả số tiền gốc 448.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà H, anh chỉ nhất trí thanh toán số tiền gốc vay ban đầu từ năm 2011 là 30.000.000 đồng. Ngoài lời khai trên anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác.

Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại giấy vay tiền đề ngày 05/02/2016, anh Lò Minh T và bà Lê Thị H thỏa thuận lãi suất vay là 2,5%/tháng. Tuy nhiên, tại mặt sau của giấy vay tiền thể hiện việc các bên thỏa thuận lãi 5.000.000đ/tháng có chữ viết và chữ ký của anh Lò Minh T (*Tính lãi đến ngày 05/02/2018 = 24 tháng x 5.000.000đ/01 tháng = 120.000.000 đồng...*). Thực tế anh T đã thực hiện việc trả lãi cho bà H từ khi vay ngày 05/02/2016 đến ngày 26/12/2019 với tổng số tiền là 90.000.000đ, do đó việc anh T không đồng ý với mức lãi suất 5.000.000đ/tháng vì cho rằng bị ép buộc là không có căn cứ chấp nhận.

Toà án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng vay có lãi, các bên đương sự có tranh chấp về lãi nên căn cứ vào từng thời điểm theo quy định của Bộ luật dân sự để tính lãi là chưa phù hợp với thực tế.

Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Số tiền lãi các bên thoả thuận trong giấy vay tiền là 5.000.000đ/tháng/448.000.000đ tương đương với lãi suất 13,39%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất tại thời điểm vay. Do đó cần sửa lại bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc anh Lò Minh T phải trả số tiền gốc vay và tiền lãi suất theo thoả thuận là 5.000.000đ/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 05/02/2016 đến ngày 09/8/2021 là 66 tháng 04 ngày.

Tiền lãi suất là 5.000.000đ/tháng x 66 tháng 4 ngày = 330.667.000đ. Do anh T đã trả được 90.000.000đ nên số tiền này được trừ vào số tiền lãi suất phải trả: 330.667.000đ – 90.000.000đ = 240.667.000đ.

Tổng số tiền cả gốc và lãi anh Lò Minh T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H là 448.000.000đ + 240.667.000đ = 688.667.000đ.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La về số tiền lãi suất và án phí.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H được Tòa án chấp nhận nên anh Lò Minh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm sửa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc anh Lò Minh T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H số tiền vay gốc là 448.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất là 240.667.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu sáu trăm sáu bảy nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền vay gốc và tiền lãi suất là 688.667.000đ (Sáu trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị H 15.160.000đ (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002154 ngày 22/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002363 ngày 19/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La. Tổng cộng là 15.460.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Anh Lò Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.546.680đ; làm tròn 31.547.000đ (Ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (09/12/2021).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tuấn Minh